TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 01 - 2024
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh
2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 723/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024. Giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1995; địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị Diễm C, sinh năm: 1995; địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn Anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và Chị Đỗ Thị Diễm C tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn hòa hợp

tánh tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cự cải nhau làm mất dần tình cảm. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng khắc phục hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, từ đó anh và chị Cđã sống ly thân cho đến nay.

Trong quá trình chung sống anh và chị Ccó hai con chung là Nguyễn Thị Thu Hiền, sinh ngày 09/7/2015 và Nguyễn Thị Thu Quyên, sinh ngày 29/4/2020. Hiện nay con đang chung sống cùng với chị Chi.

Về tài sản và nợ chung: Anh Tkhông yêu cầu giải quyết.

Nay Anh Tkhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chi.

Về con chung: Anh Tđồng ý giao hai con chung cho chị Ctiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh Tkhông yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn chị Đỗ Thị Diễm Chi trình bày:

Chị Cxác định lời trình bày của Anh Tvề hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là đúng.

Nay Anh Tkhởi kiện yêu cầu được ly hôn thì chị Ccũng đồng ý

Về con chung: Anh Tđồng ý giao hai con chung là Nguyễn Thị Thu Hiền, sinh ngày 09/7/2015 và Nguyễn Thị Thu Quyên, sinh ngày 29/4/2020 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con thì chị cũng thống nhất và không yêu cầu Anh Tcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tkhông yêu cầu giải quyết chị cũng thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Tkhởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với chị Cnên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và chị Ccó nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Tvà chị Cvới tư cách là nguyên đơn và bị đơn trong vụ kiện nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt Anh Tvà chị Chi.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Anh Tvà chị Ckết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Anh Tcho rằng vợ chồng chung sống không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cải nhau làm mất dần tình cảm nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Chị Ccũng thừa nhận lời trình bày của Anh Tvề tình trạng hôn nhân của anh, chị là đúng nay Anh Txin ly hôn thì chị đồng ý. Xét thấy, Anh Tvà chị Cđã ly thân nhau trong khoảng thời gian dài từ năm 2020 cho đến nay, chứng tỏ anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, đời sống chung vợ chồng không còn tồn tại nên Anh Tchị Cthống nhất ly hôn nhau là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Anh Tchị Cxác định anh, chị có hai con chung là là Nguyễn Thị Thu Hiền, sinh ngày 09/7/2015 và Nguyễn Thị Thu Quyên, sinh ngày 29/4/2020. Trong quá trình giải quyết Anh Tvà chị Cthống nhất giao con chung cho chị Ctiếp tục nuôi dưỡng, Anh Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con và chị Ccũng không yêu cầu Anh Tcấp dưỡng. Mặc khác tại bản tự khai cháu Hiền có nguyện vọng muốn được sống với chị Chi. Xét thấy sự thỏa thuận của Anh Tchị Cvà nguyện vọng của cháu Hiền là phù hợp với quy định tại tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Anh Tcó quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tchị Cxác định không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí ly hôn sơ thẩm Anh Tphải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Anh Tđã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002308 ngày 17/11/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do Âu Minh Khang nộp thay).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với Chị Đỗ Thị Diễm C.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thị Thu Hiền, sinh ngày 09/7/2015 và Nguyễn Thị Thu Quyên, sinh ngày 29/4/2020 cho Chị Đỗ Thị Diễm C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ckhông yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm Anh Nguyễn Văn T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Anh Tđã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002308 ngày 17/11/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do Âu Minh Khang nộp thay).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm